TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Truyền thông đa phương tiện**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 07, tự chọn: 05)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
TT70131	Giới thiệu ngành Truyền thông đa phương tiện	1	15	15	0
TT70104	Quản trị học	2	30	30	0
TT70101	Ứng dụng AI trong truyền thông	2	45	15	30
TH70001	Tin học 1 (*)	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
Học phần tự chọn Kỹ năng (Chọn 01 trong 02 học		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 h		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71301	Chinese 1	3	45	45	0

HỌC KỲ 2: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 03)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
TT70102	Lý thuyết truyền thông	2	45	15	30
TK70108	Thực hành phần mềm ứng dụng I	2	45	15	30
TT70113	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	2	45	15	30
TT70114	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	2	45	15	30
TT70132	Pháp luật và đạo đức tuyền thông	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2 (*)	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 h		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71302	Chinese 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn GDTC (Chọn 01 trong 04 học pl		**0**			
CB71412	Bóng đá (*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền (*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông (*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 03)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0

CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
TT70106	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	2	30	30	0
TT70108	Thực hành phần mềm ứng dụng II (TT)	2	45	15	30
TT70134	Kiến tập nghề nghiệp 1	3	180	0	180
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 h		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71303	Chinese 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn GDTC (Chọn 01 trong 03 học ph		**0**			
CB71413	Fitness (*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ (*)	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
TT70103	Ngôn ngữ truyền thông	2	45	15	30
TT70109	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	2	45	15	30
TK70112	Nguyên lý thiết kế Website I	2	45	15	30
TT70116	Tâm lý quảng cáo truyền thông	2	45	15	30
TT70117	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	3	60	30	30
TT70118	Viết và biên tập trong báo chí	3	75	15	60
Học phần tự chọn Ngoại ngữ (Chọn 01 trong 02 h		**0**			
TA71334	English for International Certification (*)	9	135	135	0

TQ71304	Chinese for International Certification (*)	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TT70111	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	2	45	15	30
TK70115	Nguyên lý thiết kế Website II	2	45	15	30
TT70119	Truyền thông quốc tế	3	75	15	60
TT70120	Tổ chức và quản lý sự kiện	3	75	15	60
TT70121	Kỹ thuật trường quay	3	75	15	60
TT70135	Kiến tập nghề nghiệp 2	3	180	0	180
Học phần tự chọn (Chọn 0 trong 0 học phần)		**0**			
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 06, tự chọn: 15)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
TT70122	Sản xuất chương trình truyền thông trên nền tảng số	3	75	15	60
TT70123	Nghiệp vụ đạo diễn	3	75	15	60
Học phần tự chọn (Chọn 05 học phần theo Chuyê		**15**			
Chuyên ngành: Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện					
TT70124	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	3	75	15	60
TT70125	Sản xuất quảng cáo TVC I	3	75	15	60
TT70126	Truyền thông số: Kịch bản và sản xuất	3	75	15	60
TT70127	Sản xuất truyền thông số nâng cao	3	75	15	60
TT70128	Sản xuất quảng cáo TVC II	3	75	15	60
Chuyên ngành: Quản trị truyền thông và quảng cáo					
TT70235	Quản lý sản xuất truyền thông số	3	75	15	60
TT70236	Quản lý quảng cáo	3	75	15	60

TT70237	Lập kế hoạch và quản lý truyền thông	3	75	15	60
TT70238	Quản lý giải trí và truyền thông	3	75	15	60
TT70239	Quản lý và xây dựng thương hiệu	3	75	15	60
HỌC KỲ 7: 11 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 07, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
TT70129	Thực tập tốt nghiệp	7	420	0	420
Học phần tự chọn (Chọn 02 trong 04 học phần C		**4**			
Chuyên ngành: Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện					
TT71131	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	2	45	15	30
TT71132	Quảng cáo thông minh	2	45	15	30
TT70136	Viết cho đa phương tiện	2	45	15	30
TT71134	Xây dựng kế hoạch tài khoản	2	45	15	30
Chuyên ngành: Quản trị truyền thông và quảng cáo					
TT71242	Quản lý doanh nghiệp quảng cáo	2	45	15	30
TT71243	Nghiên cứu truyền thông	2	45	15	30
TT71244	Quản lý dự án truyền thông	2	45	15	30
TT71245	Quản lý và nghiên cứu phân tích dự án phim	2	45	15	30
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 06, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
ngành: Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phư		**5**			
TT70130	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	5	135	15	120
Chuyên ngành: Quản trị truyền thông và quảng		**5**			
TT70241	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	5	135	15	120